TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH H TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH H TĨNH

***- Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh H Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh H Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2022/TLST - HNGĐ, ngày 08/11/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị H Thị H, sinh năm 1995, HKTT: Xóm 2, H, xã P, huyện K, tỉnh H Tĩnh; Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H1; sinh năm 1991, HKTT: Xóm 5, xã L, huyện C, tỉnh H Tĩnh. Hiện đang thi Hnh án tại Trại giam Xuân H, Bộ Công an, đóng tại xã S, huyện C, tỉnh H Tĩnh. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người được ủy quyền của chị H Thị H: Ông H Xuân Q, sinh năm 1963, địa chỉ: Xóm 2, H, xã P, huyện K, tỉnh H Tĩnh (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện C, tỉnh H Tĩnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị H Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau vào ngày 19/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị và anh H được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, được một thời gian ngắn thì về nước. Vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, sống thiếu sự quan tâm và chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Sau đó anh H1 phạm tội và phải đi thi hành án. Đến cuối năm 2021 nhận thấy cuộc sống nhiều khó khăn nên chị quyết định đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tính đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn 6 năm nay. Hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn H 1có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 18/6/2015, hiện cháu đang sống cùng bà nội Nguyễn Thị H2, tại thôn 5, xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nhưng xét thấy việc cháu sống cùng bà nội từ nhỏ đến nay cũng ổn định và đảm bảo điều kiện ăn học. Chị hiện đang lao động tại Đài Loan chưa thể về Việt Nam, nên nếu anh Nguyễn Văn H có nguyện vọng nhận nuôi con chung chị đồng ý và đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn H mỗi tháng 2.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hà Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và uỷ quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Hà Xuân Q; (bố đẻ), sinh ngày 20/10/1963; CCCD số 04206310133, địa chỉ: Xóm 2, H, xã P, huyện K, tỉnh H Tĩnh. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Hà Xuân Q tiến hành giao nộp thêm các tài liệu chứng cứ khác, đồng ý việc nhận ủy quyền và cam đoan sẽ thông báo đầy đủ nội dung các văn bản tố tụng Tòa án tống đạt cho chị Hà Thị H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 hiện đang thi hành án tại Trại giam Xuân H, Bộ Công an đóng tại xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc lấy lời khai anh H1 trình bày thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị H1 đã trình bày. Anh kết hôn với chị Huệ vào ngày 19/3/2015 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan được thời gian ngắn anh về lại Việt Nam còn chị H tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng sống cách xa nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại, anh xác nhận vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, do đó, chị H làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung giữa anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 18/6/2015, hiện cháu đang sống cùng bà nội Nguyễn Thị H1, tại thôn 5, xã L, huyện C, tỉnh H Tĩnh. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nhận nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng. Trong thời gian anh đang thi hành án cháu tiếp tục sống cùng bà nội Nguyễn Thị H2.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến Hnh cấp, tống đạt, thông báo, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H1 và anh có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp Hnh pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết số 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 18/6/2015 cho anh Nguyễn Văn H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; trong thời gian anh H1 đang thi hành án cháu tiếp tục sống cùng bà nội Nguyễn Thị H2. Chị Hà Thị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi cháu Khánh C trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị H về nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 20157/QLXNC-P5, ngày 28/9/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Chị Hà Thị H, sinh ngày 15/10/1995; CMTND số 184097123, HKTT: Xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh 01 lần vào ngày 06/11/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Hà Thị H ngoài đơn khởi kiện đã có bản tự khai trình bày về quá trình kết hôn, nguyên nhân, mâu thuẫn vợ chồng, quan hệ con chung, tài sản chung vợ chồng, đơn để nghị Tòa án không tiến Hnh hòa giải, đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và uỷ quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Hà Xuân Q; (bố đẻ), sinh ngày 20/10/1963; CCCD số 04206310133, địa chỉ: Xóm 2, H, xã P, huyện K, tỉnh H Tĩnh. Tòa án tỉnh H Tĩnh cũng đã làm việc với ông Hà Xuân Q và ông nhất trí những nội dung chị Hà Thị H đã trình bày đồng ý việc nhận ủy quyền và cam đoan sẽ thông báo đầy đủ nội dung các văn bản tố tụng Tòa án tống đạt cho chị Hà Thị H.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 hiện đang thi hành án tại Trại giam Xuân H, Bộ Công an đóng tại xã S, huyện C, tỉnh H Tĩnh. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành lấy lời khai và cấp, tống đạt, thông báo, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh H1 có đơn đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử.

Do đó, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn H1 theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn H1 đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 19/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, thiếu sự quan tâm và chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Sau đó, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống cách xa nhau nên mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn. Như vậy, đến thời điểm hiện tại vợ chồng đã sống cách xa nhau hơn 6 năm, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau, vợ chồng đã thực sự không còn tình cảm với nhau, và đều không muốn tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng hôn nhân của chị H và anh H1 không đạt được mục đích đó, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn H1 để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 18/6/2015, hiện cháu đang sống cùng bà nội Nguyễn Thị H1, tại thôn 5, xã L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Xét thấy, cháu Khánh C sống với bà nội từ nhỏ cho đến nay, cả chị H và anh H1 đều thừa nhận cháu sống cùng bà nội rất tốt và đảm bảo điều kiện ăn học. Chị H có nguyện vọng được nuôi con nhưng điều kiện chị hiện đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chị thống nhất giao con cho anh Nguyễn Văn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh H1 đang phải thi hành án cháu Khánh C tiếp tục sống cùng bà nội Nguyễn Thị H2, chị đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi cháu trưởng thành. Anh Nguyễn Văn H1 nhất trí trình bày của chị H về việc nuôi con nhưng không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng. Tuy nhiên, xét thấy anh H mới thi hành án được gần ½ thời gian thụ án, việc cháu sống cùng bà nội sẽ gặp nhiều khó khăn, bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ như đề xuất của chị H. Do đó, để đảm bảo điều kiện ăn học bình thường của cháu cần căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ ghi nhận ý chí tự nguyện của chị H đóng góp cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Hà Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H, tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Khánh C, sinh ngày 18/6/2015 cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); trong thời gian anh H1 đang thi hành án tại trại giam Xuân H, Bộ Công an cháu Khánh C tiếp tục sống cùng bà nội Nguyễn Thị H2.

Chị Hà Thị H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi cháu Khánh C đủ tròn 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị H về chịu toàn bộ án phí ly hôn: Chị Hà Thị H nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Hà Xuân Q đã nộp thay theo biên lai số 0000371 ngày 04/11/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Chị Hà Thị H phải nộp tiếp số tiền án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh H Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh H Tĩnh;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Khắc Hoàng

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Bùi Văn Hồng	**Nguyễn Thị Phương Nga**	**Trần Khắc Hoàng**